

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục của
Học viện Nông nghiệp Việt Nam**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật Giáo dục đại học sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2015 –2017; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1507/QĐ-HVN ngày 18 tháng 5 năm 2017.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trưởng Ban Quản lý đào tạo, Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng Ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TT ĐBCL, VT, LTN (5).



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Cường

QUY ĐỊNH

Về đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 592/QĐ-HVN ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện Nông nghiệp Việt Nam (sau đây được gọi là Học viện), bao gồm: hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng; tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng giáo dục; đối sánh chất lượng giáo dục; xây dựng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng.

2. Văn bản này được áp dụng đối với các đơn vị chức năng, các khoa, các viện, các trung tâm trực thuộc Học viện (sau đây gọi chung là đơn vị), các tổ chức và cá nhân liên quan trong Học viện.

Điều 2. Mục tiêu và nguyên tắc

1. Mục tiêu

- a) Bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học;
- b) Xác nhận mức độ Học viện hoặc chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong từng giai đoạn nhất định;
- c) Làm căn cứ để Học viện giải trình với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về chất lượng đào tạo;
- d) Làm cơ sở cho người học lựa chọn đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo và nhà sử dụng lao động tuyển chọn nhân lực.

2. Nguyên tắc

- a) Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;
- b) Trung thực, công khai, minh bạch;
- c) Bình đẳng, bắt buộc, định kỳ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Chương trình đào tạo” ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: nội dung, phương

pháp và hoạt động đào tạo; Điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

2. “*Chất lượng giáo dục của một đơn vị đào tạo*” là sự đáp ứng mục tiêu đề ra của đơn vị đào tạo; đáp ứng các yêu cầu của Luật giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục và Luật giáo dục đại học; phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước và hội nhập quốc tế.

3. “*Chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo*” là sự đáp ứng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở trình độ cụ thể, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Luật giáo dục đại học và của Khung trình độ Quốc gia, phù hợp với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, của ngành và xã hội.

4. “*Đảm bảo chất lượng giáo dục*” là hệ thống những quy trình, cơ chế, biện pháp, tiêu chuẩn để thực hiện được mục tiêu chất lượng giáo dục, duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

5. “*Đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong*” là những chính sách và cơ cấu tổ chức của một đơn vị đào tạo nhằm đạt được mục tiêu đơn vị đề ra và những tiêu chuẩn chất lượng cho cấp chương trình và cấp trường.

6. “*Đánh giá chất lượng giáo dục*” là quá trình sử dụng các phương thức, công cụ để xác định mức độ đáp ứng theo mục tiêu của đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo.

7. “*Đánh giá chất lượng giáo dục trong Học viện Nông nghiệp Việt Nam*” là quá trình sử dụng bộ tiêu chuẩn của một tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam, khu vực hoặc quốc tế và kết quả lấy ý kiến các bên liên quan để xác định mức độ đáp ứng theo mục tiêu của Học viện và các chương trình đào tạo.

8. “*Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục*” của đơn vị đào tạo hoặc chương trình đào tạo là mức độ yêu cầu và điều kiện mà đơn vị đào tạo hoặc chương trình đào tạo cần đáp ứng để được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục là mức độ yêu cầu và điều kiện cần đạt được ở một khía cạnh cụ thể của mỗi tiêu chuẩn.

9. “*Tự đánh giá chất lượng giáo dục*” là quá trình đơn vị đào tạo tự xem xét, nghiên cứu, đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đơn vị hoặc chương trình đào tạo để báo cáo về thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác của

đơn vị hoặc chương trình đào tạo được đánh giá, làm cơ sở để đơn vị tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn đã quy định.

10. “*Đánh giá ngoài*” là quá trình khảo sát, đánh giá của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ngoài Học viện nhằm xác định mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Học viện.

11. “*Đánh giá chất lượng đồng cấp*” là quá trình khảo sát, đánh giá của các nhà chuyên môn trong và ngoài đơn vị dựa trên một bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để xác định mức độ đơn vị đào tạo, chương trình đào tạo đáp ứng mục tiêu đề ra, từ đó đưa ra các khuyến cáo cải tiến chất lượng giáo dục nhằm tiến tới đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

12. “*Kiểm định chất lượng đơn vị đào tạo*” là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của đơn vị đào tạo.

13. “*Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*” là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo.

14. “*Kiểm định chất lượng giáo dục trong Học viện Nông nghiệp Việt Nam*” là hoạt động đánh giá chất lượng và công nhận mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Học viện và các chương trình đào tạo do các cơ quan, tổ chức kiểm định có thẩm quyền đánh giá và công nhận.

15. “*Đổi sánh*” là hoạt động đối chiếu và so sánh một đơn vị đào tạo hoặc một chương trình đào tạo với bộ tiêu chuẩn hoặc với đơn vị đào tạo/chương trình đào tạo khác được lựa chọn.

16. “*Các bên liên quan*” là các đối tượng liên quan đến hoạt động đánh giá của một cơ sở giáo dục, trong văn bản này được hiểu là giảng viên, nhân viên, người học, nhà khoa học, cựu sinh viên, sinh viên mới tốt nghiệp, nhà tuyển dụng lao động, các tổ chức giáo dục và nghề nghiệp khác.

CHƯƠNG II

HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 4. Hệ thống tổ chức

1. Hội đồng Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Học viện về các nội dung sau đây: Xây dựng chiến lược và kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện; xây dựng và ban hành các chính sách giúp duy trì và nâng cao chất lượng giáo

dục của Học viện; xây dựng các chương trình/dự án cải tiến và nâng cao chất lượng các dịch vụ liên quan đến đảm bảo và kiểm định chất lượng.

2. Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục Học viện được thành lập, giải thể theo Quyết định của Giám đốc Học viện; Giám đốc Học viện là Chủ tịch Hội đồng Đảm bảo chất lượng. Nhiệm kỳ của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục theo nhiệm kỳ của Giám đốc Học viện.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục được quy định trong các văn bản của Học viện.

4. Số lượng thành viên của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục là số lẻ. Các thành viên của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục bao gồm: Chủ tịch Hội đồng Học viện, các Phó Giám đốc Học viện, Trưởng khoa và Trưởng các đơn vị chức năng. Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng là Ủy viên thường trực của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục Học viện.

5. Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị thường trực của Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục.

6. Mỗi đơn vị có ít nhất một chuyên viên, là cán bộ am hiểu về công tác đảm bảo chất lượng, chịu trách nhiệm giúp Trưởng đơn vị trong các công tác đảm bảo chất lượng.

CHƯƠNG III

TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 5. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

1. Tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo bao gồm: (1) Kết quả học tập mong đợi; (2) Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo; (3) Phương pháp dạy và học; (4) Đánh giá người học; (5) Đội ngũ giảng viên; (6) Dịch vụ tư vấn và hỗ trợ người học; (7) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (8) Đầu ra và kết quả đạt được.

2. Tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng Học viện bao gồm: (1) Đảm bảo chất lượng chiến lược; (2) Đảm bảo chất lượng hệ thống; (3) Đảm bảo chất lượng thực hiện chức năng; (4) Kết quả hoạt động.

3. Giám đốc Học viện quyết định lựa chọn cơ quan/tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục dựa trên ý kiến tham mưu của Hội đồng Đảm bảo chất lượng Học viện.

4. Hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài: Kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài và Hội đồng tự đánh giá do Giám đốc Học viện quyết định thành lập, chịu trách nhiệm triển khai hoạt động.

5. Chu kỳ tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục mà Học viện lựa chọn và theo kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện.

Điều 6. Điều kiện để được đăng ký tự đánh giá và đánh giá ngoài.

1. Hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo được tiến hành khi chương trình đào tạo có ít nhất một khóa sinh viên tốt nghiệp và đang tiếp tục tổ chức đào tạo.

2. Đánh giá ngoài chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và chương trình đào tạo đó đã hoàn thành tự đánh giá.

3. Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục được thực hiện khi cơ sở giáo dục đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá và được Hội đồng thẩm định báo cáo của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo thông qua.

Điều 7. Thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài

1. Quy trình tự đánh giá và đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo và Học viện được thực hiện theo quy định hiện hành của tổ chức kiểm định và quy định của Học viện.

2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị thường trực tư vấn và hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị khi thực hiện các hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Điều 8. Đánh giá chất lượng thông qua lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan

1. Hoạt động đánh giá chất lượng thông qua lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về các lĩnh vực khác nhau của Học viện bao gồm: (1) lấy ý kiến người học về học phần; (2) giảng viên dự giờ đồng nghiệp; (3) lấy ý kiến các bên liên quan về nhu cầu nhân lực, thiết kế chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ, tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp và mức độ đáp ứng công việc của cựu sinh viên.

2. Hoạt động đánh giá chất lượng thông qua lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được đưa vào kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học của các đơn vị.

3. Quy trình đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá chất lượng thông qua lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan được thực hiện theo hướng dẫn của Học viện.

Điều 9. Công khai kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài

1. Học viện công bố chương trình đào tạo đạt chuẩn chất lượng sau khi tự đánh và đánh giá ngoài trên website của Học viện.

2. Học viện công bố báo cáo tự đánh giá Học viện trên website của Học viện ít nhất 30 ngày trước khi đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Học viện công bố Giấy chứng nhận đánh giá ngoài hoặc kết quả đánh giá ngoài chất lượng Học viện trên website của Học viện chậm nhất 30 ngày sau khi được cấp Giấy chứng nhận/kết quả đánh giá ngoài chất lượng giáo dục.

CHƯƠNG IV

ĐỐI SÁNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 10. Mục đích đối sánh

1. Việc so chuẩn, đối sánh được thực hiện nhằm đánh giá được thực trạng chất lượng các hoạt động của Học viện và các chương trình đào tạo của Học viện, làm căn cứ để đưa ra các giải pháp cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học và chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Kết quả so chuẩn, đối sánh phải thể hiện được chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu, các giải pháp cải tiến chất lượng phải có tính khả thi.

Điều 11. Phạm vi đối sánh chất lượng giáo dục

1. Đối sánh nội bộ là đối sánh được thực hiện trong phạm vi của Học viện.

2. Đối sánh bên ngoài là đối sánh được thực hiện với các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng bên ngoài Học viện.

Điều 12. Lựa chọn đối tượng đối sánh

Cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo được lựa chọn đối sánh phải phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của Học viện, có sự tương đồng về quy mô đào tạo, cùng định hướng và tầm nhìn phát triển và sẵn sàng chia sẻ thông tin. Các tiêu chuẩn đối sánh bao gồm:

1. Tiêu chí cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

2. Tiêu chí xác định cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia, khu vực.

3. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo trong nước và quốc tế.

4. Bộ tiêu chuẩn xếp hạng, đánh giá cơ sở giáo dục đào tạo.

Điều 13. Các loại đối sánh

1. Đối sánh tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược.
2. Đối sánh chương trình đào tạo.
3. Đối sánh kết quả đào tạo.
4. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học.
5. Đối sánh kết quả phục vụ cộng đồng.

Điều 14: Quy trình thực hiện đối sánh

Bước 1: Thu thập số liệu của năm học đối với các nội dung đối sánh nội bộ; thu thập số liệu về nội dung đối sánh bên ngoài (nếu có).

Bước 2: Phân tích, đánh giá các dữ liệu thu được.

Bước 3: Tổng hợp kết quả đối sánh của Học viện, báo cáo Ban Giám đốc.

Bước 4: Phê duyệt báo cáo số liệu đối sánh.

Bước 5: Họp báo cáo kết quả đối sánh và lập kế hoạch cải tiến.

Bước 6: Phê duyệt kế hoạch cải tiến để triển khai thực hiện.

Điều 15: Chu kỳ đối sánh

1. Hoạt động đối sánh chất lượng giáo dục của Học viện và các đơn vị được đưa vào kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm.
2. Đối sánh tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược được thực hiện 5 năm/1 lần.
3. Đối sánh chương trình đào tạo được thực hiện 5-6 năm/1 lần.
4. Đối sánh kết quả đào tạo được thực hiện hằng năm.
5. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học được thực hiện hằng năm.
6. Đối sánh kết quả phục vụ cộng đồng được thực hiện hằng năm.

CHƯƠNG V

CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Điều 16. Cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng bao gồm: hệ thống quy định, quy trình; các báo cáo và thống kê kết quả về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan; các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; hồ sơ giảng viên; hồ sơ người học; cán bộ quản lý; các chỉ số đánh giá năng lực thực hiện KPIs (Key Performance Indicators); danh mục cơ sở vật chất; bộ chuẩn đầu ra; mô tả chương trình đào tạo; bộ hồ sơ học phần; bộ đề thi; bài thi của sinh viên; đề tài, luận án, các công

trình khoa học của giảng viên và sinh viên; các minh chứng khác trong quá trình đánh giá và kiểm định chất lượng.

Điều 17: Xây dựng, quản lý và khai thác sử dụng

1. Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đầu mối quản lý cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng của Học viện.

2. Các đơn vị trong Học viện chịu trách nhiệm cung cấp số liệu hằng năm cho Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

3. Cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng của Học viện được thu thập, lưu trữ, quản lý, xử lý bằng phần mềm chuyên dụng.

4. Các đơn vị, cá nhân được phân quyền khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng theo quy định của Học viện.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hội đồng Đảm bảo chất lượng

1. Hội đồng Đảm bảo chất lượng xây dựng chiến lược đảm bảo chất lượng và kế hoạch hằng năm trình Giám đốc Học viện phê duyệt; giám sát quá trình thực hiện.

2. Chiến lược đảm bảo chất lượng cần có kế hoạch triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, lộ trình để đạt được các mục tiêu cụ thể, dự trù kinh phí cho các hoạt động và được lấy ý kiến rộng rãi trước khi trình Giám đốc Học viện phê duyệt.

3. Hội đồng Đảm bảo chất lượng định kỳ một năm họp hai lần, ngoại trừ các cuộc họp đột xuất theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 19. Trung tâm Đảm bảo chất lượng

1. Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị đầu mối; phối hợp với các khoa, các Ban chức năng; hướng dẫn cho các đơn vị khi triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng; giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hằng năm trong toàn Học viện.

2. Tổng hợp kết quả đối sánh của Học viện, báo cáo Ban Giám đốc.

Điều 20. Các đơn vị

1. Căn cứ vào các quy định để xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng của đơn vị trên cơ sở kế hoạch đảm bảo chất lượng của Học viện.

2. Triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng theo kế hoạch, hằng năm báo cáo tổng kết công tác thực hiện kế hoạch.

3. Có trách nhiệm tập hợp đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu, bổ sung cập nhật thông tin hằng năm và gửi về Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

4. Thu thập số liệu của năm học đối với các nội dung đối sánh nội bộ; thu thập số liệu về nội dung đối sánh bên ngoài (nếu có); thực hiện phân tích, đánh giá các dữ liệu thu được.

Điều 21. Kinh phí hoạt động

1. Hằng năm các đơn vị căn cứ vào kế hoạch đảm bảo chất lượng lập dự toán kinh phí thực hiện. Trung tâm Đảm bảo chất lượng tập hợp và trình Giám đốc phê duyệt.

2. Các đơn vị chịu trách nhiệm quyết toán theo quy định của Học viện.

3. Các đơn vị được phép huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước và của Học viện cho công tác đảm bảo chất lượng.

Điều 22. Chế độ báo cáo

1. Trung tâm Đảm bảo chất lượng tập hợp các báo cáo của các đơn vị về công tác đảm bảo chất lượng trong Học viện.

2. Trung tâm Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm báo cáo với Ban giám đốc Học viện, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác đảm bảo chất lượng theo năm học và khi được yêu cầu.

CHƯƠNG VII

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 23. Kiểm tra, giám sát

1. Các hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục trong Học viện chịu sự kiểm tra, giám sát chuyên môn của các cơ quan chức năng có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thanh tra phối hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục và kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Học viện.

3. Các kết quả kiểm tra, giám sát được báo cáo với Giám đốc Học viện và Hội đồng Đảm bảo chất lượng.

Điều 24. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Trung tâm Đảm bảo chất lượng đề nghị khen thưởng các đơn vị thực hiện tốt kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng và có những kết quả xuất sắc trong hoạt động đảm bảo chất lượng theo quy định của Học viện, của Bộ GD&ĐT và của Nhà nước.

2. Những đơn vị không thực hiện đúng quy định về đảm bảo chất lượng, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Học viện.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1507/QĐ-HVN ngày 18/5/2017.

2. Trong quá trình thực hiện, quy định này có thể được điều chỉnh, sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi, bổ sung do Giám đốc Học viện xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng./.

